TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 499/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 29 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Phan Văn Q, sinh năm 1977;

Nơi ĐKHKTT: Phòng 111 Nhà B Khu tập thể Đ, đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Chỗ ở: Số 12 đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1978;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Phòng 111 Nhà B Khu tập thể Đ, đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 16/4/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả lẫn nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nên từ đó cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được; nên anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Phước D, sinh ngày 16/3/2004 và cháu Phan Nguyễn Phước L, sinh ngày 18/02/2009, hiện cả hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị Mỹ C. Nay thuận tình ly hôn anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C thỏa thuận như sau: Giao cả hai cháu Phan Nguyễn Phước D và Phan Nguyễn Phước L cho chị Nguyễn Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho các cháu Phan Nguyễn Phước D và Phan Nguyễn Phước L mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 8/2019 cho đến lúc các cháu Phước D và Phước L trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Anh Phan Văn Q và chị chị Nguyễn Thị Mỹ C cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phan Văn Q và chị chị Nguyễn Thị Mỹ C cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C đã nộp theo biên lai thu số 008116 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Phước D, sinh ngày 16/3/2004 và Phan Nguyễn Phước L, sinh ngày 18/02/2009 cho chị Nguyễn Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng(Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 8/2019 cho đến lúc các cháu Phước D và Phước L trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phan Văn Q và chị chị Nguyễn Thị Mỹ C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan Văn Q và chị chị Nguyễn Thị Mỹ C xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C đã nộp theo biên lai thu số 008116 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường P, thành phố H (Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị Mỹ C ĐKKH số: 22, ngày 16/4/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Trọng